



- Tỉ trọng giữa vốn huy động và dư nợ cho vay và đầu tư;
- Sự can thiệp của chính phủ qua các công cụ như mức dự trữ bắt buộc.

Tuy nhiên, với xu thế hiện nay, để ngăn chặn suy giảm kinh tế NHNN Việt Nam sẽ còn tiếp tục giảm LSCB nhằm thực hiện chính sách tiền tệ “nới lỏng” nhằm thúc đẩy tổng cầu trong nền kinh tế.

Kiến nghị:

Nhằm đảm bảo việc tuân thủ các quy định của pháp luật liên quan đến lãi suất cho vay của các TCTD hoạt động tại Việt Nam và sử dụng LSCB như một công cụ thực thi chính sách tiền tệ quốc gia cũng như thỏa mãn được các yêu cầu của tự do hóa và hội nhập kinh tế quốc tế mà Việt Nam đã cam kết, chúng tôi có một số kiến nghị sau:

1. NHNN có thể vẫn giữ nguyên nội hàm của “LSCB” trong Luật NHNN là “cơ sở cho các TCTD ấn định lãi suất kinh doanh” dưới góc độ của một công cụ của chính sách tiền tệ quốc gia nhằm cung cấp “chỉ báo” cho các NHTM về mức độ “thắt chặt” hay “nới lỏng” tiền tệ của quốc gia. Điều này có nghĩa là NHNN phải thực sự có thể “cấp tín dụng” cho các NHTM với mức “lãi suất” đã công bố hoặc trả cho các NHTM đối với các khoản “vay mượn” từ họ, tránh tình trạng trước đây là NHNN ban hành LSCB nhưng không hề có bất kỳ ảnh hưởng nào đến hoạt động của các ngân hàng và các TCTD khác.

2. Các tổ chức cung cấp tín dụng trong nền kinh

tế có thể sử dụng LSCB do NHNN làm cơ sở tham chiếu để đưa ra các mức lãi suất áp dụng cho từng loại khách hàng khác nhau căn cứ vào (1) cấu trúc nguồn vốn/ tài sản; (2) cấu trúc chi phí; (3) mức độ rủi ro và (4) lợi nhuận kỳ vọng của mỗi ngân hàng.

3. NHNN nên kiến nghị Quốc hội chỉnh sửa khoản 1, Điều 476 của Bộ Luật Dân sự 2005, từ “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của LSCB do NHNN công bố đối với loại cho vay tương ứng” thành “Lãi suất vay do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 10 lần mức LSCB do NHNN công bố theo từng thời điểm” và chỉnh sửa khoản 1, Điều 163 của Bộ Luật Hình sự 1999 từ “. . . lãi suất cao hơn mức lãi suất cao nhất mà pháp luật quy định từ mười lần trở lên. . .” thành “. . . lãi suất cao hơn LSCB do NHNN Việt Nam quy định trong từng thời kỳ . . .”

Tài liệu tham khảo:

- Hiệp định Thương mại Việt Nam – Hoa kỳ;
- Hiệp định gia nhập WTO của Việt Nam;
- Bộ Luật Dân sự 1995;
- Bộ Luật Dân sự 2005;
- Bộ Luật Hình sự 1999;
- Luật NHNN 1997;
- Một số tài liệu khác

Duy trì thế cạnh tranh của ngân hàng

LƯU TRỌNG TUẤN *

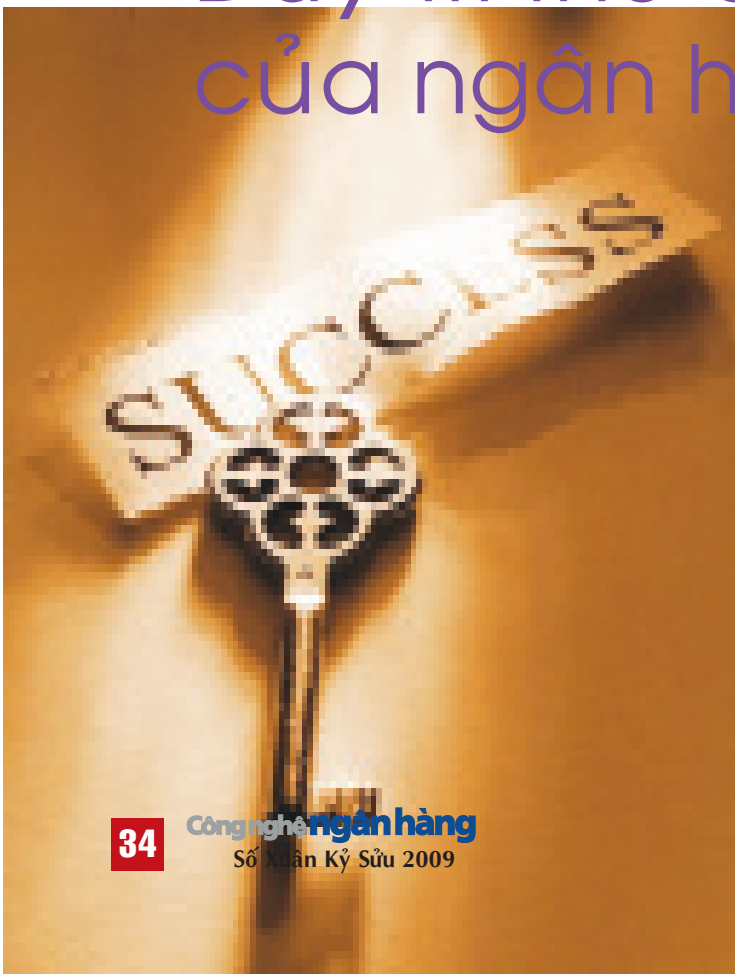
Dẫn nhập

Các ngân hàng đang đối mặt muôn vàn thử thách để giữ lợi nhuận ổn định. Lãi suất thấp đang đè nén lợi nhuận và buộc các ngân hàng phải cải thiện khả năng quản lý hiệu quả hoạt động của mình (performance management).

Để ứng phó với những thách thức này, các ngân hàng có thể áp dụng khung quản lý giá trị kinh tế (economic value management (EVM) framework). Khung EVM giúp các ngân hàng lượng hóa (quantify) các phương diện (dimension) trong hoạt động của họ, như đơn vị kinh doanh (business unit), sản phẩm hay khách hàng.

Các ngân hàng tách riêng các chi phí và các khoản lỗ trong tâm dự kiến để xác định lợi nhuận thương mại ròng (net commercial margin) ở tất cả các cấp độ. Hơn nữa, các ngân hàng định lượng vốn cần để bù cho những khoản lỗ ngoài dự kiến (unexpected loss).

* Chuyên viên Viện Marketing & Quản trị Việt Nam





Điều này đảm bảo rằng phân tích này nhất quán và toàn diện ở tất cả các phương diện. Bằng cách điều chỉnh lợi tức kỳ vọng trung bình (expected average returns), các ngân hàng có thể đánh giá và cải thiện hiệu quả hoạt động. Độ biến động (volatility) của lợi tức trung bình càng thấp, thì độ biến động đó càng cuốn hút ngân hàng vì như thế ngân hàng sẽ đầu tư ít vốn hơn.

Ngân hàng cũng có thể xác định mọi rủi ro và thành phần chi phí để chuyển rủi ro và chi phí đó sang bộ phận có khả năng xử lý. Ví dụ như chuyển những rủi ro tín dụng (credit risk) trong một khoản vay ra khỏi chi nhánh đã giao dịch nó, sang cho bộ phận rủi ro tín dụng trung tâm (central credit risk department).

Nhờ vào khả năng tách hiệu quả hoạt động thương mại (nghĩa là khách hàng, sản phẩm và đơn vị kinh doanh – được xem là lợi nhuận thương mại) và tài chính (nghĩa là trung tâm quỹ (funding center) và bảo hộ (hedging) – được xem là lợi nhuận định kỳ (term margin)) ra khỏi tổng lợi nhuận, việc định giá chuyển quỹ (funds transfer pricing (FTP)) là bước đầu tiên quan trọng và nền tảng của khung EVM.

Những lợi ích của khung EVM

Các ngân hàng hướng chú ý đến lợi nhuận, những rủi ro và những chi phí. Để phân tích và quản trị những yếu tố này hiệu quả, các ngân hàng cần có khả năng lượng hóa các yếu tố này, để cho thấy đâu là hoạt động tối thiểu cần thiết để hòa vốn.

Khi áp dụng khung EVM, các ngân hàng có thể có một tầm nhìn chiến lược có cơ sở và chính xác đối với mỗi mặt hoạt động của ngân hàng cũng như liên kết các mặt hoạt động với nhau. Điều này mang đến cho ngân hàng nhiều lợi ích, bao gồm:

- Khả năng xác định được bộ phận nào, đầu tư và sáng kiến nào đang hoạt động hiệu quả, cho biết nên sử dụng thêm nguồn tài nguyên nào để đạt được lợi tức tối đa và những bài học thành công có thể áp dụng vào lĩnh vực kinh doanh khác;
- Cơ hội để nhận ra hoạt động kinh doanh nào của ngân hàng đang kém hiệu quả, qua đó ngân hàng có thể phân công lại, đưa hoạt động kinh doanh đó sang bộ phận chức năng phù hợp hơn;
- Các quyết định chiến lược dựa trên cơ sở những bằng chứng thực tế vững chắc, không võ đoán hay thiên kiến;
- Một quan điểm rõ ràng về tác động của các quyết định đối với việc kinh

doanh của ngân hàng, ở cả bối cảnh vi mô và vĩ mô (micro and macro context);

- Kiểm nghiệm được hệ quả của các quyết định trước khi thực hiện;
- Tạo nên một sân chơi công bằng, cho phép các đầu tư và các sáng kiến khác được so sánh trực tiếp;
- Cơ hội để tiết kiệm chi phí và thời gian quản lý thông qua việc tăng gia tốc cho quá trình ra quyết định và loại bỏ những sáng kiến và đầu tư hiệu quả thấp.

FTP là gì, và vì sao FTP là trọng tâm trong khung EVM?

Vào thời điểm ký kết một hợp đồng tài chính, FTP là mức lãi suất mà ngân hàng có thể nhận được quỹ để tài trợ một tài sản có định kỳ (term asset) hay là mức lãi suất mà ngân hàng có thể đầu tư quỹ nhận được qua một tài sản nợ định kỳ (term liability). Ví dụ như đối với một khoản vay lãi suất cố định, lợi nhuận thương mại là chênh lệch dương giữa lãi suất cố định phải trả bởi một tài sản có và chi phí của FTP.

Điều này làm cho FTP trở thành thành phần quan trọng trong tính toán lợi nhuận thật sự hay chi phí của bất kỳ hợp đồng tài chính nào trong bối cảnh kinh doanh của ngân hàng, ngoài ra, còn cho thấy những thế mạnh và điểm yếu trong danh mục đầu tư. FTP cũng có thể được mô hình hóa để đánh giá chính xác tác động của thay đổi lãi suất trong tương lai đối với từng loại khách hàng, và vì thế thuận lợi cho việc định giá sản phẩm để lợi tức, lợi nhuận giữ lại (retention), và hoạt động mua lại doanh nghiệp đạt mức tối ưu.

Vì thế FTP cho phép nhà quản trị ra quyết định dựa trên tri thức về yêu cầu và điều kiện của thị trường. Về mặt thực tiễn, FTP giúp đơn giản hóa quá trình phân bổ những chi phí nội bộ đến các đơn vị kinh doanh phù hợp.

Nói tóm lại, FTP giúp cho quản trị rủi ro, đánh giá hoạt động hiệu quả và hiểu rõ doanh nghiệp hơn, hiểu từng loại sản phẩm và từng loại khách hàng trong thị trường.

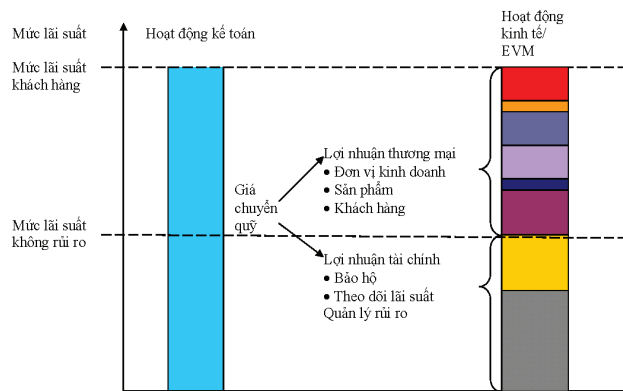
Vì thế FTP là thành phần quan trọng của khung EVM, cho thấy hoạt động thương mại và tài chính thật sự ở cấp độ khách hàng, sản phẩm và đơn vị kinh doanh, và vì thế nhấn mạnh đến sự đóng góp mà mỗi giao dịch mang đến cho lợi nhuận của ngân hàng.

Hình 1 cho thấy giá chuyển quỹ cho phép ngân hàng chuyển dịch từ phương pháp dựa trên kế toán (accounting based approach), mà trong phương pháp này không cần đến kiến thức về hiệu quả hoạt động, sang khung EVM, mà giá chuyển quỹ cho phép ngân hàng phân hiệu quả hoạt động thành lợi nhuận thương mại và lợi nhuận định kỳ, rồi phân chia tiếp thành những thành tố hoạt





Hình 1. Định giá chuyển quỹ cho phép ngân hàng chuyển dịch từ quan điểm trung tâm về hiệu quả hoạt động đến quan điểm phân hoạt động thành những thành tố bộ phận



động nền tảng (underlying elements of performance).

Trong quá khứ, những phần cứng và phần mềm kỹ thuật được dùng trong ngân hàng không đủ chức năng hay uyển chuyển để xử lý các khối lượng dữ liệu hay có khả năng phân tích mà khung EVM đòi hỏi. Tuy nhiên, ngày nay, công nghệ như thế đã có, cho phép xử lý hợp đồng và phân tích dữ liệu.

Ví dụ như, ngân hàng có nhiều yêu cầu quản trị hoạt động khác nhau. Họ cần một giải pháp dựa vào định giá rủi ro (risk pricing) chính xác. Điều này mang đến cho ngân hàng cơ hội để cải thiện quản trị hoạt động của mình. Bộ phận tiếp thị của ngân hàng đang chịu áp lực phải cải thiện phân khúc khách hàng và đưa ra chiến lược hỗn hợp sản phẩm phù hợp (right product mix) để đạt lợi nhuận cao hơn. Các trưởng bộ phận dịch vụ ngân hàng thương mại và dịch vụ ngân hàng bán lẻ chịu áp lực phải đạt được mục tiêu lợi nhuận. Và nhóm ngân quỹ (Treasury group) đang tìm kiếm những cách thức hay hơn để phân tích lợi nhuận tài chính (financial margins). Các loại dự án này trong quá khứ thường được thực hiện riêng lẻ với những cơ sở dữ liệu khác nhau và giải pháp được dựa trên dữ liệu tổng hợp (aggregated data). Tuy nhiên, ngày nay, các giải pháp này dựa trên nền tích hợp (integrated platform) cộng với khả năng xử lý chi tiết ở mức độ hợp đồng. Điều này cho phép một ngân hàng thỏa mãn nhu cầu từng cá nhân trong khi thiết lập nền móng cho khung quản trị giá trị kinh tế (economic value management framework).

Các giám đốc tiếp thị có thể điều chỉnh sản phẩm theo các phân khúc khách hàng cụ thể, các trưởng ngân hàng thương mại và bán lẻ có thể theo dõi hoạt động các chi nhánh cũng như nhân viên, và các giám đốc ngân quỹ có thể xác định và theo dõi các thành tố góp phần vào lợi nhuận tài chính.

Hiệu ứng tiếp nối khá mạnh mẽ vì cách phân tích này có thể dễ dàng mở rộng sang các hoạt động khác trong ngân hàng. Điều này cho phép các giám đốc và hội đồng quản trị xác định và theo dõi hiệu quả hoạt động toàn bộ ngân hàng, cho phép tất cả các bộ phận phân tích dữ liệu về sản phẩm, khách hàng và đơn vị kinh doanh, cho phép họ xây dựng một bức tranh chính xác và chi tiết về hoạt động của cả ngân hàng, đưa đến những quyết định hiệu quả hơn và mở đường để tăng lợi nhuận.

Để hiểu rõ hơn về mô hình này, Hình 2 minh họa một ví dụ về cách thức phân tích lãi và lỗ, cả loại dự kiến được và loại ngoài dự kiến, có thể được dùng để tính lợi tức hiệu chỉnh theo rủi ro trên vốn (risk adjusted return on capital (RAROC)).

Hình 2. Tính RAROC từ lợi nhuận thương mại, tổng lỗ dự kiến, và tổng lỗ ngoài dự kiến

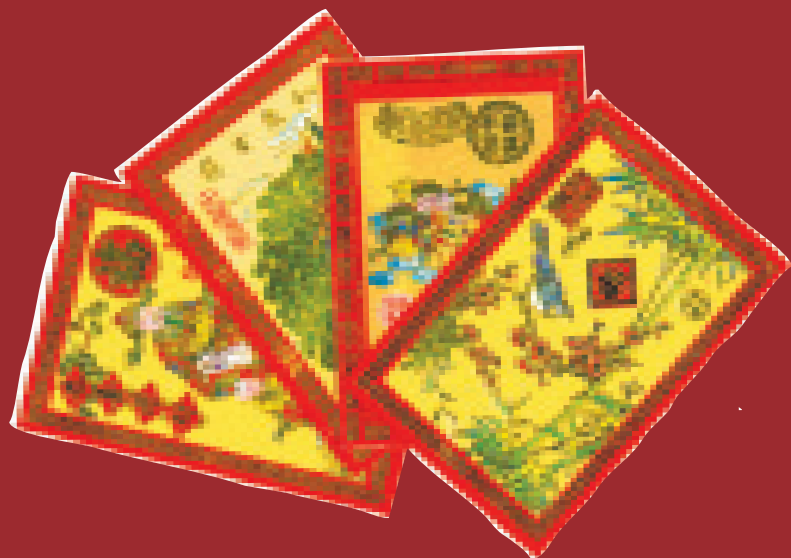
Lợi nhuận thương mại (Commercial Margin)	0.54%	} Lỗ trong dự kiến
Giá chênh lệch lỗ lựa chọn đi kèm (Embedded Option EL Spread)	0.08%	
Giá chênh lệch lỗ tín dụng (Credit EL Spread)	0.17%	
Giá chênh lệch lỗ hoạt động (Operational EL Spread)	0.15%	
Giá chênh lệch chi phí quản lý chung (Overhead Cost Spread)	0.05%	
Giá chênh lệch suất chiết khấu ngân hàng (Bank Rating Spread)	0.02%	
Tổng lỗ dự kiến (Total Expected Loss)	0.47%	
Lợi nhuận thương mại ròng dự kiến (Expected Net Commercial Margin)	0.07%	⇒ Lợi nhuận thương mại - Tổng lỗ dự kiến
Giá chênh lệch lỗ lựa chọn đi kèm ngoài dự kiến (Embedded Option UL Spread)	0.13%	} Lỗ ngoài dự kiến
Giá chênh lệch tín dụng ngoài dự kiến (Credit UL)	0.14%	
Giá chênh lệch hoạt động ngoài dự kiến (Operational UL)	0.11%	
Tổng lỗ ngoài dự kiến (Total Unexpected Loss)	0.38%	
RAROC	18.42%	⇒ Lợi nhuận thương mại ròng dự kiến / Tổng lỗ ngoài dự kiến

Trong Hình 2, chúng ta bắt đầu với lợi nhuận thương mại, và trừ đi tổng lỗ dự kiến, bao gồm các loại giá chênh lệch như chênh lệch tín dụng, và tính được mức lợi nhuận thương mại ròng dự kiến là: $(0.54\% - (0.47\%)) = 0.07\%$. Tiếp đến, ta tính tổng lỗ ngoài dự kiến, bao gồm những chênh lệch như chênh lệch lỗ tín dụng ngoài dự kiến. RAROC là lợi nhuận thương mại ròng dự kiến chia cho tổng lỗ ngoài dự kiến: $((0.07\%/0.38\%) = 18.42\%)$.

Cách sử dụng EVM

EVM là một cơ chế cho phép tính toán lợi nhuận liên quan đến hoạt động của một ngân hàng. Có ba lý do để sử dụng EVM:

(1) EVM có thể thiết lập mức hoạt động tối thiểu cần thiết để hoà vốn trong các giao dịch, và tính những yếu tố dự kiến có thể giảm giá trị một tài sản có hay tài sản nợ đối với ngân hàng. Điều này thể hiện lợi nhuận thương mại ròng - giá trị mà ngân hàng mong đợi thu được từ tài sản có hay tài sản nợ, trừ đi các khoản lỗ ngoài dự kiến mà có thể đòi hỏi dự trữ vốn (capital reserves).



THỦY NGUYÊN

ĐÔNG TIỀN LÌ XÌ MỪNG TUỔI ngày Tết, trong cổ thư gọi là *Áp tuế tiên*. Xưa kia, “*Áp tuế tiên*” là những đồng tiền được xỏ xuyên lại với nhau, cột bằng sợi chỉ đỏ, có hình dạng con rồng hoặc thanh kiếm, phía trên các đồng tiền có chạm các hình tượng gắn liền với cuộc sống như: chim, hoa, cỏ... để ở chân chông hoặc bên cạnh gối ngủ, nhằm ngăn chặn tà ma, yêu quái, bảo vệ trẻ em được bình yên. Sau đó, các hình vẽ trên đồng tiền được biến đổi dần để trở thành một tập tục cho đến tận ngày nay.

Căn cứ các sách xưa truyền lại thì phong tục này, xuất hiện vào thời nhà Minh, nhà Thanh ở Trung Hoa. Nhưng thay vì những xuyên tiên, họ biến đổi thành những bao tiền lì xì đỏ. Qua các sử cũ, ta được biết, những đồng tiền được đúc bằng đồng hay bằng bạc mà ngày nay rất khó tìm thấy, có chăng là trong sách vở cũ, một đồng “áp tuế” chính thống của Trung Hoa, Đài Loan, Ma Cao, Hồng Kông,... hiện còn tàng trữ ở bảo tàng Viện Bắc Kinh, Đài Bắc... Các đồng tiền này được thể hiện nhiều loại khác nhau, gồm nào “ngoại tiên”, nào là “tạp tiên”... Tuy nhiên, các hình dạng tiền có chữ hoặc hình ảnh vẫn chiếm đa số, người ta gọi đó là “cát ngôn tiên” (tiền có những chữ tốt)- “cát ngôn tiên” thường có những dòng chữ nổi như “Phước-Lộc-Thọ Toàn”, “Trạng Nguyên Cặp Đệ”, “Phước Như Đông Hải”... còn mặt trái là những hình ảnh nổi như hình ông Thọ, con nhện, con dơi... “Hỷ tiên” là đồng tiền dùng tặng cô dâu trong ngày cưới, với những hình dáng tốt lành như hình một hạt đậu phộng, mặt đứa trẻ và cả hình trai gái đang trong giờ hoan hỷ.

“Ngũ độc tiên”, có hình dáng con cạp, con ong độc, con rít, bọ cạp... người ta thường dùng tiền này kết thành xuyên, cột chỉ đỏ, đeo vào người để ngăn ngừa kẻ độc hại thân.

Trên thực tế, các loại tiền có liên quan đến tín ngưỡng cũng có mục đích mê tín, trừ tà ma, yêu quái, ngăn ngừa kẻ độc hại thân... có hay không, chưa ai nắm rõ mục đích. Song, chỉ cần đeo vào mình theo thói quen hoặc để trên giường ngủ, trong nhà là người ta có cảm tưởng được bình yên vô sự.

Hiện nay, phong tục “lì xì” bằng những đồng tiền giấy lưu hành, bỏ trong những phong bì gọn, nhỏ, màu đỏ xinh xắn đã hoàn toàn thay thế cho “*Áp tuế tiên*” thuở trước.



Người xưa thường có tập tục, sau đêm giao thừa, người lớn sẽ tặng cho trẻ con những “đồng tiền lì xì” để mừng tuổi, mà mãi đến bây giờ phong tục ấy vẫn được duy trì tồn tại, coi như một truyền thống mang tính lịch sử.

(2) EVM có thể tạo nên văn hóa hướng về khách hàng và văn hóa hoạt động hiệu chỉnh theo rủi ro trong ngân hàng thông qua việc quy lái & lỗ cho các đơn vị kinh doanh trong ngân hàng chịu trách nhiệm phát sinh rủi ro.

(3) Tương tự, EVM cho phép phân bố rủi ro ở mỗi giao dịch cho bộ phận ngân hàng mà có khả năng quản lý rủi ro nhất (có nghĩa là bộ phận rủi ro tín dụng trung tâm (central credit risk department), hơn là chi nhánh bán hợp đồng đó). Điều này tạo nên một môi trường năng động, hiệu quả, dẫn đến hiệu quả cao hơn trong cả ngân hàng.

Kết luận

FTP là bước đầu tiên quan trọng và nền tảng để xây dựng khung EVM, vượt qua những chức năng tài chính kế toán, cho phép một ngân hàng quản trị hiệu quả đối với lợi nhuận, rủi ro và chi phí gắn với hoạt động của ngân hàng. Đây là lý do tại sao FTP ngày càng được công nhận là công cụ chức năng và cạnh tranh trong dịch vụ tài chính ngân hàng ở thế kỷ 21.